

REVISION A.5



• Complete the following sentences using the words/phrases provided.

好
hǎo

开
kāi

年轻
niánqīng

尝尝
cháng cháng

1

你看起来还很_____。
nǐ kàn qǐ lái hái hěn _____

2

我跟你_____玩笑。
wǒ gēn nǐ _____ wánxiào

3

太_____笑了。
tài _____ xiào le

4

_____这个加拿大龙虾。
_____ zhè ge jiā nà dà lóng xiā